TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 – ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2026/DS-ST.
Ngày: 30/01/2026.
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Hồng Thắm;

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Bé Hai;

2. Bà Nguyễn Thị Phượng;

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Vũ Linh, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Đồng Tháp.

Ngày 30 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 473/2025/TLST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2025 về "Tranh chấp dân sự - Hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 272/2025/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 292/2025/QĐST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 308/2025/QĐST-DS ngày 31 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn O**, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Ấp Long C, xã Long K, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Anh **Phạm Văn M**, sinh năm 1983;

Chị **Lê Hằng N**, sinh năm 1983;

Cùng địa chỉ: ấp Mỹ Đông N, xã Mỹ T, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 22/10/2025, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 04/12/2025, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn O trình bày:

Ông O và anh M có quan hệ quen biết với nhau. Anh M là chủ phương tiện bơm cát và lấy cát từ Campuchia về Việt Nam bán kiếm lời, còn ông O là người làm công cho anh M. Vào khoảng tháng 7/2024 thì ghe bơm cát hết dầu, anh M có nhờ ông O hỏi vay dùm số tiền 30.000.000đồng (Ba mươi triệu đồng) làm chi phí đổ dầu và hứa 10 ngày sau trả tiền lại cho ông O. Tin lời anh M nên ông O hỏi vay dùm cho anh M và hẹn với người ta là 10 ngày sau ông O sẽ trả tiền, anh M cũng thống nhất.

Vào ngày 19/7/2024, ông O cho anh M vay số tiền 20.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản ngân hàng cho anh M qua số tài khoản 69110000279764 – Ngân hàng BIDV. Ngày 20/7/2024, ông O tiếp tục cho anh M vay số tiền 10.000.000 bằng hình thức nhờ chủ cửa hàng điện thoại hiệu "Trung Tín" tại phường An Thạnh, thành phố Hồng Ngự chuyển khoản cho anh M.

Sau đó, anh M có viết biên nhận cho ông O với nội dung có mượn của ông O số tiền 30.000.000 đồng. Nội dung biên nhận không có thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả nợ nhưng hai bên có thỏa thuận bằng lời nói là thời hạn trả là sau 01 tháng kể từ ngày vay và tiền lãi phải trả khi trả nợ gốc là 3.000.000 đồng (10%), số tiền lãi này thực ra không phải do ông O yêu cầu mà do ông O vay tiền của người khác để cho ông M vay lại nên người ta yêu cầu ông O trả tiền lãi bao nhiêu thì ông O yêu cầu ông M trả bấy nhiêu. Tuy nhiên, đến hạn trả nợ ông M không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho ông O.

Số tiền 30.000.000 đồng, ông O đã trả xong cho người cho vay nên hiện nay số tiền 30.000.000 đồng anh M chỉ nợ ông O.

Ông đã khởi kiện tại Tòa án khu vực 9 – Đồng Tháp một lần vào khoảng tháng 4/2025, ông M có đến Tòa và hứa hẹn sẽ trả nợ vào tháng 9/2025 nên ông O đã rút yêu cầu khởi kiện tuy nhiên ông M vẫn không thực hiện việc trả nợ khi đến hạn.

Trong đơn khởi kiện ông O yêu cầu anh Phạm Văn M và Lê Hằng N phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông O số tiền vay là 30.000.000đồng (Ba mươi triệu đồng) và yêu cầu tính lãi suất từ ngày 19/7/2024 cho đến khi kết thúc vụ án.

Nay ông O làm đơn này thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau: Ông O yêu cầu anh Phạm Văn M trả cho ông O số tiền vay là 30.000.000 đồng và tiền lãi suất 0,83%/tháng đối với số tiền 30.000.000 đồng từ ngày 24/4/2025 (là ngày

Tòa án thụ lý vụ án của ông O lần đầu tiên) đến khi giải quyết xong vụ án; Ông O không yêu cầu chị Lê Hằng N có trách nhiệm liên đới trả nợ với anh M.

Bị đơn là anh Phạm Văn M và chị Lê Hằng N đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, chứng cứ của nguyên đơn và được triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có văn bản ý kiến, không tham gia phiên hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Vì vậy, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn là anh Phạm Văn M và chị Lê Hằng N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật: Ông O yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh M có nghĩa vụ trả cho ông O số tiền vay gốc là 30.000.000 đồng và tiền lãi suất. Anh M không có văn bản ý kiến gì về yêu cầu của ông O. Ngoài ra, các đương sự không ai có yêu cầu nào khác nên xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự và khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Do bị đơn có địa chỉ tại ấp Mỹ Đông Nhất, xã Mỹ Thọ, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 9 – Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 về việc Thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực.

[3] Về thời hiệu khởi kiện, xét thấy: Giao dịch giữa ông O và anh M được xác lập vào ngày 19/7/2024 và 20/7/2024 đến nay nguyên đơn khởi kiện là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự.

[4] Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn O thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện xác định chỉ yêu cầu bị đơn là anh Phạm Văn M trả số tiền vốn là 30.000.000 đồng và tiền lãi; không yêu cầu chị Lê Hằng N có trách nhiệm liên đới trả nợ với anh M là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn O đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02 nhưng vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; Anh Phạm Văn M và chị Lê Hằng N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Nguyễn Văn O, anh Phạm Văn M và chị Lê Hằng N.

Về nội dung tranh chấp:

[6] Xét yêu cầu khởi kiện của ông O yêu cầu anh M có nghĩa vụ trả cho ông O số tiền gốc tính đến ngày 30/01/2026 là 30.000.000 đồng và lãi suất. Hội đồng xét xử nhận định:

[6.1] Đối với số tiền vay gốc 30.000.000 đồng: Trong quá trình giải quyết vụ án ông O có cung cấp 01 biên nhận bản gốc không ghi ngày tháng có nội dung: "Tôi tên Phạm Văn M ở ấp 1, xã Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp có mượn anh Nguyễn Văn O số tiền 30.000.000 đồng..."; Biên nhận có chữ ký và ghi họ tên Phạm Văn M và 01 văn bản ý kiến ngày 26/8/2025 của anh Phạm Văn M trong hồ sơ vụ án thụ lý số 286/2025/TLST-DS ngày 24/4/2025 với nội dung thừa nhận có vay của ông O số tiền 30.000.000 đồng và anh M đồng ý trả tiền vay gốc và lãi cho ông O. Quá trình Tòa án thụ lý vụ án và thu thập chứng cứ, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng, thể hiện rõ nội dung vụ án và yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn, cũng như các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn nộp kèm theo đơn khởi kiện cho bị đơn được biết. Tuy nhiên, bị đơn anh Phạm Văn M không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án, không có ý kiến phản bác, yêu cầu phản tố hay yêu cầu gì khác liên quan đến yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn cũng như không có mặt tại các phiên hòa giải và phiên tòa sơ thẩm. Vì vậy, có cơ sở xác định hợp đồng vay tài sản giữa ông Nguyễn Văn O và anh Phạm Văn M là có thật nên việc ông O khởi kiện yêu cầu anh M có nghĩa vụ trả cho ông O số tiền vay gốc 30.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận. Do đó, buộc anh Phạm Văn M có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn O số tiền 30.000.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[6.2] Đối với yêu cầu về lãi suất: Quá trình giải quyết vụ án, ngoài yêu cầu anh M có trách nhiệm trả tiền vốn ông O còn yêu cầu anh M trả số tiền lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng của số tiền 30.000.000 đồng từ ngày 24/4/2025 đến ngày 30/01/2026 (09 tháng 06 ngày) là 2.290.800. Hội đồng xét xử nhận định: Ông O cho rằng mức lãi suất vay hai bên thỏa thuận là 10%/tháng, đến thời hạn trả nợ thì trả cả gốc lẫn lãi; anh M không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa

án, không có ý kiến phản bác, yêu cầu phản tố hay yêu cầu gì khác liên quan đến yêu cầu khởi kiện của ông O. Tuy nhiên, tại văn bản ý kiến ngày 26/8/2025 của anh Phạm Văn M trong hồ sơ vụ án thụ lý số 286/2025/TLST-DS ngày 24/4/2025 có nội dung anh M đồng ý trả cho ông O tiền 30.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất là 1,66%/tháng cho ông O. Hơn nữa, trong vụ án này ông O chỉ yêu cầu anh M trả số tiền lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng là thấp hơn mức lãi suất mà anh M đồng ý trả cho ông O. Do đó, chấp nhận yêu cầu về lãi suất của ông O. Buộc anh M có nghĩa vụ trả cho ông O số tiền lãi là (30.000.000 x 0,83% x 09 tháng 06 ngày (từ ngày 24/4/2025 đến ngày 30/01/2026)) = 2.290.800 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[7] Ông Nguyễn Văn O không yêu cầu chị Lê Hằng N có nghĩa vụ liên đới trả nợ với anh Phạm Văn M nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí:

[8.1] Ông Nguyễn Văn O thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[8.2] Anh Phạm Văn M có nghĩa vụ nộp 32.290.800 đồng x 5% = 1.614.540 đồng (Một triệu sáu trăm mười bốn ngàn năm trăm bốn mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 357, Điều 429, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 về việc Thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn O. Buộc anh Phạm Văn M có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn O số tiền vốn là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) và số tiền lãi là 2.290.800 đồng (Hai triệu hai trăm chín mươi ngàn tám trăm đồng); Tổng cộng là 32.290.800 đồng (Ba mươi hai triệu hai trăm chín mươi ngàn tám trăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi đơn yêu hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Ông Nguyễn Văn O không yêu cầu chị Lê Hằng N có nghĩa vụ liên đới trả nợ với anh Phạm Văn M nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí:

+ Ông Nguyễn Văn O thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Anh Phạm Văn M có nghĩa vụ nộp 32.290.800 đồng x 5% = 1.614.540 đồng (Một triệu sáu trăm mười bốn ngàn năm trăm bốn mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 9;
- Toà án tỉnh Đồng Tháp;
- Thi hành án tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng THADS KV9 – Đồng Tháp;
- Lưu (HS).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa

Trần Hồng Thắm